

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TRÙNG KHÁNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH CAO BẰNG

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18/6/2024

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Quốc Hoàn.

2. Ông Hoàng Văn Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tịch - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2024 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXHNGĐ - ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị L, sinh năm 1997.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm B, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng; (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: anh Lương Văn D, sinh năm 1997;

Nơi ĐKKHKT: Xóm R, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Hiện nay đang chấp hành án tại đội 9, trại giam số 1, trại giam Q, thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Sầm Thị H, sinh năm 1973

Nơi ĐKKHKT: Xóm R, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/4/2024 và các lời khai tiếp theo tại bản tự khai, nguyên đơn Lương Thị L trình bày: Năm 2017, sau thời gian tìm hiểu thì chị và anh D tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là xã L), huyện T, tỉnh Cao Bằng ngày 23/3/2017, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực hiện. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc yêu thương chăm sóc nhau. Tuy nhiên, do quan điểm sống khác biệt, anh D nghiện ma túy, nhiều lần vi phạm pháp luật nay phải đi chấp hành án nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đó. Vì vậy đến tháng 01 năm 2023, thì hai vợ chồng ly thân đến nay vì tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải được. Hiện nay, anh D đang chấp hành án tại đội 9, trại giam S, trại giam Quảng Ninh tại thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Nhận thấy, giữa hai vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Lương Văn D. Trong thời kỳ hôn nhân, hai vợ chồng có một con chung tên Lương Gia T, sinh ngày 14/02/2018, hiện nay đang sống với ông bà nội. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Giữa chị và anh D không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/5/2024, bị đơn Lương Văn D xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị L trình bày là đúng. Hiện nay anh đang chấp hành án tại đội 9, trại giam S, trại giam Quảng Ninh, thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý. Các vấn đề khác anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đang chấp hành án tại trại giam nên anh D đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Sầm Thị H xác nhận các vấn đề về con cái, tài sản chung, nợ chung như chị L trình bày là đúng. Hiện nay cháu Lương Gia T đang sống cùng bà, nay chị L làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh D. Do anh D đang chấp hành án tại trại giam Q, nên bà đồng ý để tòa án giải quyết con chung theo quy định của pháp luật.

Chị L giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, xác định vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn anh D, sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lương Thị L được ly hôn anh Lương Văn D;
- Về con chung: Giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh D;
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;
- Về án phí: Buộc chị L phải chịu 300.000 đồng án phí để sung quỹ Nhà nước.
- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Lương Văn D có hộ khẩu thường trú và trước khi đi chấp hành án thì cư trú tại: Xóm R, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Lương Thị L yêu cầu ly hôn anh Lương Văn D, dành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lương Thị L yêu cầu ly hôn với anh Lương Văn D tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 23/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là xã L), huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị L và anh D là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 đứa con chung. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh Dũng nghiện ma túy, nhiều lần có hành vi vi phạm pháp luật, hiện nay đang trong thời gian chấp hành án phạt tù. Từ đó hai vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nữa. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị L và anh D có 01 con chung tên Lương Gia T sinh ngày 14/02/2018, hiện nay đang sống với ông bà nội. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh D đang trong thời gian chấp hành án tại trại giam, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung. Vì vậy, cần giao cháu T cho chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh D là có căn cứ.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lương Thị L được ly hôn với anh Lương Văn D.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lương Gia T, sinh ngày 14/02/2018 cho chị Lương Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lương Văn D.

Sau khi ly hôn, anh Lương Văn D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Lương Thị L phải chịu 300.000 đồng phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ tại Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002666 ngày 23 tháng 4 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng thu.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Lương Thị L và anh Lương Văn D, bà Sầm Thị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Thị Hoài